

Với hành trang kinh Dịch tìm về Điện Biên Phủ

Tôi bỏ lỡ một chuyến đi Điện Biên, đành ngồi nhà đọc sách về cuộc chiến to lớn này. Cũng là một cách kỷ niệm của riêng tôi. Trong tay tôi là cuốn hồi ức Điểm hẹn Điện Biên Phủ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Hữu Mai thể hiện - Bản in tái bản năm 2002). Phải nói ngay rằng cuốn sách đã cuốn hút tôi ngay từ trang đầu, và tôi reo lên với những người thân: y như khi đọc Tam Quốc vậy. Đúng là như vậy, hiển hiện trong tôi là cảm giác những ngày còn thơ trẻ nghiền ngẫm đọc những là Tam Quốc, với Hán Sở tranh hùng, Đông Chu liệt quốc. Tác giả đồng thời là Tổng chỉ huy chiến dịch viết cuốn sách với sự nghiền ngẫm sau gần 50 năm chiến trận lịch sử, với sự tham khảo rất nhiều tài liệu tổng kết và hơn 30 cuốn sách về Điện Biên Phủ của các tác giả là tướng lĩnh, các nhân chứng tại trận, các nhà văn, nhà báo phương Tây. Toàn bộ diễn biến chiến dịch được nhớ lại và miêu tả dưới nhiều góc độ: ta và địch, điểm và diện, thực trạng chiến trường và các ứng phó hai bên, nguyên thủ quốc gia và tướng quân tại ngoại, mệnh lệnh chỉ huy của tổng hành dinh và sáng kiến của người lính trong chiến hào..., kể cả những bí ẩn trên chiến trường phải nhiều năm sau mới làm sáng tỏ được. Tính hấp dẫn của tác phẩm bắt nguồn từ đó.

Nhưng với tôi niềm say mê cuốn sách hôm nay còn thêm một cảm hứng nữa: với hành trang Kinh Dịch, tôi thử tìm về Điện Biên qua cuốn sách của Võ Đại tướng. Thật vậy, 64 quẻ Kinh Dịch có một quẻ nói về đạo làm tướng, cầm quân trong chiến trận, đó là quẻ Địa Thủy Sư gọi tắt là quẻ Sư. Địa là Đất. Thủy là Nước. Sư là Quân đội, còn là Đám đông quần chúng. Đất là tượng quẻ Khôn, có tính thuận. Nước là tượng quẻ Khảm. Không gì hiểm bằng nước sâu nên Khảm có tính hiểm. Cấu trúc tượng quẻ là trong đất có nước, cái hiểm ở bên trong, cái thuận ở bên ngoài, Ngô Tất Tố dịch lời giảng của Trình Di bảo rằng đi đường hiểm bằng cách xuôi thuận đó là nghĩa trẩy quân, Phan Bội Châu giảng thêm đó là tượng đem quân đi đánh giặc. Vậy quẻ Sư nói về việc binh.

Trước hết quẻ Sư nêu ra quy luật chung về chiến tranh. Chu Văn Vương vạch ra lời quẻ Sư chỉ có 7 chữ: Sư, trinh, trượng nhân, cát, vô cữu. Dịch nghĩa và suy luận như sau: Việc xuất quân (sư) trước hết phải chính đáng, vì chính nghĩa, vì sự an dân (trinh), nhưng nhất định phải có tướng sùỵ tài đức, mưu trí, vào bậc quyền uy, tôn nghiêm (trượng nhân) thì mới tốt lành (cát). Chiến tranh bao giờ cũng là việc hại người hại của, nên dù tốt lành mà vẫn không yên, phải đạt tới sự "không lỗi" (vô cữu) mới phải đạo làm tướng, cầm quân. Giảng quẻ Sư, Phan Bội Châu lưu ý rằng trong lời quẻ Dịch, thường là vô cữu (không lỗi) rồi mới đến cát (tốt lành), riêng quẻ Sư, đều nói trước là cát (tốt lành) rồi sau đến vô cữu (không lỗi), là vì sao? Vì chiến tranh bao giờ cũng là việc đổ máu, việc dụng binh là việc vạn bất đắc dĩ, tính mệnh của dân chúng, vận mệnh của Nhà nước gửi vào trong tay nguyên sùỵ, trách nhiệm quá chùng nặng, nghĩa vụ quá chùng lớn, nếu chẳng thành công, tức là tội lỗi. Vậy nên, tất phải cát, mới được vô cữu. (Phan Bội Châu toàn tập, tập 7, Nxb Thuận Hóa - Huế, tr 182.). Tượng quẻ Sư là trong Đất có Nước, đất trũng xuống cho nước tụ vào, đất càng sâu bờ càng chắc thì nước càng nhiều, người quân tử xem đó mà học cái độ lượng, bao dung, chứa chất của trời đất mà quy tụ nhân dân, chăm lo cho dân. Quần chúng nhân dân ấy khi vô sự thì bình là dân, khi hữu sự thì chiến là binh. Chăm lo cho quyền lợi của nhân dân cũng tức là tạo ra sức mạnh của quân đội. Đọc Điểm hẹn Điện Biên Phủ (ĐHĐBP) cũng như những trước tác khác của Võ đại tướng đều thấy toát lên cái ý tưởng ấy: cuộc chiến tranh của chúng ta là chiến tranh chính nghĩa, chiến tranh nhân dân. Lời quẻ sư gọi là Trinh. Đã đánh là phải thắng, chắc thắng mới đánh. Đánh thắng nhưng không phải thắng với bất cứ giá nào, phải giữ lấy vốn quý cho đất nước, cho cách mạng. Đó chính là cát, vô cữu, "tốt lành" còn phải "không lỗi" nữa.

Quẻ Sư có sáu vạch âm dương, gọi là sáu hào. Trong đó có năm hào âm và một hào dương. Hào dương đó lại ở vị trí giữa quẻ Khảm hiểm, thống lĩnh các hào âm, chẳng khác nào như vị tướng vâng mệnh trên

đi vào giữa chỗ hiểm mà chỉ huy ba quân. Người xưa căn cứ vào tượng quẻ, tượng hào và vị trí các hào, vạch ra những chỉ dẫn khái quát về việc dùng binh, đem vận dụng vào thực tế chiến dịch Điện Biên Phủ, một lần nữa gọi ra những suy tưởng lạ lùng về sự gặp nhau giữa xưa và nay, giữa quy luật muôn đời và diễn biến sống động.

Hào một quẻ Sư nói về việc xuất quân. Cũng chỉ có mấy chữ: Sư xuất dĩ luật, phủ tàng, hung. Việc xuất quân phải theo luật, không khéo, hung. Luật đây là danh nghĩa xuất quân, mệnh lệnh ra quân, những quy định tiết chế việc ra quân, kỷ luật hành quân... Tất cả phải theo luật nghiêm chỉnh, nhưng phải khéo. Khéo ở đây là phải linh hoạt, biến thông, mưu trí, tâm thiện, lòng lành, vì nước vì dân mà ra quân. Không khéo thì tai họa, gặp hung là cái chắc (phủ tàng, hung).

Điểm hẹn Điện Biên Phủ, phim dành cả chương 3 Đường ra mặt trận để tả cuộc xuất quân của toàn mặt trận và của riêng Đại tướng. Cả nước ra quân, quyết tâm cao như núi, nhưng "luật" rất nghiêm. Mệnh lệnh cho pháo binh: Trọng pháo (pháo 105 ly) ra trận lần đầu, trước mắt, phải bảo đảm an toàn và tuyệt đối bí mật trong hành quân. Đưa được người và xe, pháo tới đích an toàn. Các chiến sĩ pháo binh đã thực hiện đúng như thế, "sư xuất dĩ luật", nhờ có công binh làm đường, làm cầu ngầm qua suối, nghi trang thật kỹ, xe kéo pháo đêm đi ngày nghỉ, kết hợp với hành quân nghi binh, vào rừng trước khi trời tan sương, đẩy pháo vào rừng xóa luôn vết bánh xe. Trong khi đó cơ quan tham mưu của Nava ở Sài Gòn vẫn cho rằng: "Sự bấp bênh về giao thông không cho phép họ mang tới đó pháo trên 75 ly cùng với đạn pháo quá 7 ngày chiến đấu" (trang 74). Trong bộ binh, bí mật đến mức "khi các chiến sĩ qua ngã ba Cò Nòi mới biết một lần nữa chiến dịch lại mở ở vùng rừng núi". Trước đó họ vẫn tưởng đang thực hiện một cuộc hành quân nghi binh" (trang 81). Để bảo đảm sức khỏe hành quân, đại đoàn 308 có phong trào "3 tốt": ăn tốt, ngủ tốt, đi tốt. Ăn nóng, chuẩn bị chỗ ngủ cho tươi mát, từ chiếc cọc mắc màn đến chiếc dây phơi. Trước khi đi ngủ đào hố lót ni-lông ngâm chân bằng nước nóng pha muối (trang 81). Cuộc ra quân hào hùng, đầy dũng cảm cũng đầy mưu trí, người xưa chỉ nói bằng một chữ "khéo". Tôi đọc thấy chữ khéo ấy khi Võ Đại tướng kể chuyện chiến sĩ: Những lúc bộ đội tưởng về xuôi lại hóa lên ngược, đang đi được lệnh dừng, đang dừng được lệnh đi nhanh, anh em không thắc mắc nhiều. Cuối cùng, mọi người đều xác định: đời chúng ta đâu có giặc là ta cứ đi (Lời một bài hát của Đỗ Nhuận) (tr.152). Tôi cũng đọc thấy chữ khéo ấy khi Võ Đại tướng kể chuyện vượt đèo Pha Đin:... còn một quả bom nổ chậm vẫn chưa đào được, các chiến sĩ công binh mở một con đường tránh cho đoàn, đi dưới rừng, nhưng vẫn phải phá bom bướm màu xanh lá cây địch thả đây. Phải dùng sào gạt, dùng đá ném, làm nổ những trái bom nằm trên mặt đất. Còn những trái bom nằm trên cành cây thì phải dùng sào chọc sào khua cho nổ ngay trên đầu. Người đi theo đường tránh, còn xe vẫn phải đi trên đường đèo, qua những vị trí có bom chưa đào được. "Chúng tôi đã vượt qua cửa ải cuối cùng trên đường tới Điện Biên Phủ" (tr. 89).

Hào hai quẻ Sư dành để nói về vai trò tướng sù trong quân ngũ và phép tắc cầm quân. Lời hào nói rằng: ở giữa quân, tốt, không lỗi, được trên ba lần khen thưởng. Đây là hào dương duy nhất trong quẻ, ứng hợp với hào 5 âm có vị trí cao nhất quẻ tượng cho nguyên thủ của nước, ngày xưa là vua, bây giờ là Chủ tịch, Tổng thống. Vì là ứng với hào 5 âm nên hào 2 dương tượng cho vị tướng sù được ủy nhiệm của nguyên thủ, do tính cương trung của mình mà thu phục được 4 hào âm còn lại, tượng cho ba quân. "Được trên ba lần khen thưởng" có nghĩa "được nguyên thủ nhiều lần tin cậy", nhờ vậy mới càng thêm uy phục của toàn quân.

Giáng hào 2 này, Phan Bội Châu nhấn mạnh hai chữ cương trung. Vì là hào dương nên có tính kiên cường, mạnh mẽ, sáng suốt. Vì ở giữa quẻ Khâm nên có đức trung. Trung là ngay thẳng, vừa phải, bền vững, nhân nghĩa. Cương phải đi với Trung. Cương mà thái quá thì thành ra bạo liệt, dân chẳng tin theo. Cương mà đặc trung mới đúng tài làm tướng. Trong ĐHĐBP không một chữ cương trung, nhưng cái đức cương trung bộc lộ một cách tự nhiên. Khi Đại tướng chào Bác Hồ ra

mặt trận, Bác nói: Tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền. Khi đến ngôi nhà là sở chỉ huy ở Mường Phăng, trèo lên đỉnh núi phía sau nhìn thấy cánh đồng Mường Thanh và tập đoàn cứ điểm của địch, cảm thấy như mình đang ở chiến hào, tác giả thốt lên: Hạnh phúc lớn nhất đối với người cầm quân là được ở bên bộ đội, ngay tại mặt trận (tr.145).

Đức cương trung của Đại tướng cùng các sĩ quan chỉ huy thể hiện suốt diễn biến chiến dịch, nhưng đầy đặn nhất và tiêu biểu nhất là trận tiến công mở màn diệt cứ điểm Him Lam ngày 13-3-1954, được kể lại sinh động trong chương “Mở cửa”. Hệ thống hỏa lực của Him Lam rất mạnh, nhưng ta đã nhìn ra nhược điểm của nó, cách xa trung tâm 2,5 km, dễ bị cô lập, nếu tập trung đánh gọn trong một đêm, có thể loại trừ khả năng cứu viện. Tướng lĩnh chỉ huy thì cương trung trong kế hoạch đánh trận công kiên, hạ quyết tâm trận đầu phải thắng, bài binh bố trận có biến có hóa, khi cần thì mở màn trận đánh sớm hơn dự định. Pháo bố trí trên sườn núi cao đối diện với lòng chảo Mường Thanh, tổ chức rất nhiều trận địa giả cùng phát hỏa khiến pháo binh địch không biết phản pháo vào đâu. Ta bắn 2000 viên đạn pháo trong khi địch bắn 6000 viên mà vẫn chịu thua. Tướng lĩnh cương trung nên cán bộ, chiến sĩ một lòng, vừa gan dạ vừa sáng suốt, chớp đúng thời cơ trong từng bước tiến trên trận địa máu lửa. Him Lam đổ sập, sau đó là đồi Độc Lập và Bản Kéo. Riêng Bản Kéo, chỉ cần dụ hàng là địch tan rã. Ta còn cho phép địch vào bãi chiến trường thu lượm xác chết và binh lính bị thương.

Các tướng lĩnh đối phương cũng là những tay dày dạn chiến trận. Nhưng đối chiếu với hào 2 quẻ Sư họ chỉ có cương không có trung. Họ biết dàn trận địa thành “con nhím Điện Biên”, xây dựng các tuyến phòng thủ liên hoàn, dùng sức mạnh về máy bay, xe tăng, pháo binh, nhử ta vào trận. Nhưng họ quá tự tin, ỷ vào vũ khí và công sự vững chắc, khinh địch, không tính đến thể trận nhân dân, không ngờ ta có thể đưa trọng pháo lên núi cao. Sau Him Lam và Độc Lập, viên chỉ huy pháo binh của tập đoàn cứ điểm phải tự sát vì bất ngờ trước sự xuất hiện của pháo binh ta, và mất danh dự vì không thực hiện lời hứa phản pháo.

Trong chiến tranh bao giờ cũng có thắng có thua, nên quẻ Sư có một hào nói về thất bại, đó là hào 3. Trong cấu trúc quẻ, hào này là hào âm nên tượng cho sự bất tài, lại ở vào vị thế bất chính, bất trung. Lời hào nói rằng: Ra quân (mà bất tài, bất chính, bất trung), thì xe chở thầy về, xấu. Tướng Nava có thể là viên tướng giỏi ở nơi khác, nhưng sang Đông Dương ông ta tỏ ra bất tài trong hoạch định kế hoạch mang tên ông ta, nhất là trong việc chọn lòng chảo Điện Biên làm nơi quyết chiến. Ông ta thực sự tỏ ra bất chính bất trung trong quan hệ nội bộ chính giới, quan hệ quân nhân, nhất là quan hệ với tướng Cô-nhi trực tiếp dưới quyền ông ta. Với một viên tướng như thế thì thất bại, “xe chở thầy về” là cái chắc.

Hào 4 quẻ Sư khái quát một tình huống rất phổ biến trong chiến tranh: Khi thấy đối phương mạnh hơn, thì lui quân để bảo tồn lực lượng. Lời hào viết : Lui quân, không lỗi. (Tả thứ, vô cữu). Cả quẻ Dịch chỉ có 6 hào, mà người xưa để hẳn ra một hào nói về lui quân, đủ biết vấn đề này quan trọng dường nào trong học thuyết về quân sự. Trong diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ, khi vừa mới lên mặt trận, nhận thấy tập đoàn cứ điểm địch đã tăng cường, việc chuẩn bị chiến trường của quân ta chưa đạt yêu cầu, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định chuyển từ phương án đánh nhanh thắng nhanh sang đánh chắc tiến chắc, đã kéo pháo vào, nay lại kéo pháo ra, củng cố lại trận địa, lui để mà tiến, chia giai đoạn đánh công kiên bóc từng mảng cứ điểm của địch. Chủ trương phù hợp với thực tế chiến trường, được Đảng ủy mặt trận tán thành, cán bộ chiến sĩ chấp hành nghiêm chỉnh, đã biến thành sức mạnh đi đến thắng lợi cuối cùng. Kinh Dịch bảo lui quân thể không lỗi. Đây là một quyết định hết sức quan trọng, và rất khó khăn. Khi ấy kế hoạch tác chiến đã phổ biến. Pháo binh đã vào vị trí, các đại đoàn đều có mặt ở tuyến xuất phát xung phong. Quyết tâm chiến đấu đang bừng bừng. Quả thật, chỉ nhờ có tư tưởng anh minh của Bác Hồ, uy phục cương trung của tướng quân, kỷ luật nghiêm dũng của toàn quân

mới thực hiện được như thế. Đại tướng viết: “Trong ngày hôm đó, tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình” (tr. 109).

Hào 5 nói về quan hệ giữa nguyên thủ với tướng quân, vai trò của nhà lãnh đạo cao nhất của quốc gia đối với chiến tranh và các vấn đề quân sự. Có hai vấn đề. Thứ nhất là Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn. Việc ra quân chẳng qua như ruộng vườn có chim thú vào xâm hại thì phải đuổi đánh mà thôi (điền hữu cầm), lợi ở việc săn bắt và theo lời nói (lợi chấp ngôn). Săn là phải bắt được thì mới có lợi, mới hết cầm thú (chấp là bắt). Phải có lời nói, tức tuyên ngôn cho rõ ràng, vì đây là việc lớn (ngôn là lời nói). Được như thế thì không lỗi (vô cữu). Thứ hai là phải giao quân cho người có tài đức, bậc anh cả (trường tử xuất sư) như người hào 2 cương trung, nếu giao quân cho người thấp kém bất trung, bất chính, bất tài như hào 3 (đệ tử), thì thất bại, chớ thầy mà về (dư thì) dù có chính đáng vẫn là hung (trinh, hung). Tất cả ngần ấy chữ (trong ngoặc đơn) nhưng toàn là những vấn đề trọng đại của quốc gia. Ta hãy xem trong ĐHĐBP, Bác Hồ chính là nguyên thủ trong hào 5, trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Bác nói: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa”. Có nghĩa cuộc ra quân của chúng ta chẳng qua là “điền hữu cầm” mà thôi. Nhưng phải bắt được chim thú thì mới lợi. Khi tiến Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường ra mặt trận, Bác Hồ nói: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng, không chắc thắng không đánh” (tr. 63). Đại tướng đã ghi nhớ đỉnh ninh lời nói ấy khi phải quyết định việc lui quân, đã đưa lời Bác ra bàn trong Đảng ủy: “Nếu đánh có chắc thắng trăm phần trăm không?” (tr. 107). Trong đảng ủy không ai trả lời được. Chính vì đặt vấn đề như vậy mà thuận lợi cho quyết định khó khăn nhất. Lợi chấp ngôn là như vậy chăng? Lại đến việc nguyên thủ giao quân cho ai là việc sống còn. Từ khi thành lập trung đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đầu tiên trên Việt Bắc đến khi giao nhiệm vụ chỉ huy cuộc chiến Điện Biên Phủ (cả về sau này) Đảng ta và Bác Hồ đã chọn được một người “anh cả” (trường tử) của quân đội là Võ Nguyên Giáp. Khi tiến đưa ông ra tiền tuyến, Bác nói: “Tướng quân tại trận. Giao cho chú toàn quyền quyết định”. Khi thắng trận trở về, Đại tướng đến chào Bác. Người bắt tay chúc mừng rồi nói: “- Nhân dân ta còn phải tiếp tục chống Mỹ?” Đại tướng kể tiếp: “Tôi nhớ những lời Bác viết trong thư khen ngợi quân và dân sau chiến thắng: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”. Những lời này chỉ có được ở Chủ tịch Hồ Chí Minh”. (tr. 440). Điền hữu cầm, trong vườn còn chim thú mà ! Một chút về hào 6 quẻ Sư. Hào này nói về chiến thắng khái hoàn. Khi thắng lợi thì nguyên thủ quốc gia luận công khen thưởng, hãy phân biệt việc thưởng công và việc trị nước. Trong chiến tranh, người bình thường cũng ra trận lập được công lao, hãy khen thưởng xứng đáng cho họ. Nhưng khi trị quốc, kiến thiết quốc gia thì phải chọn người tài đức, dùng người chớ nhằm hai việc với nhau. ĐHĐBP không đề cập tới vấn đề này.

Với chút ít hành trang như trên tìm về Điện Biên Phủ, tôi thấy quả thật, người thời nay đã gặp người thời xưa ở rất nhiều điều trong nghệ thuật chiến tranh. Phan Bội Châu khi giảng quẻ Địa Thủy Sư đã thốt lên: “Đọc suốt hào từ, soạn từ quẻ Sư, vẫn chẳng bao lắm chữ, mà có thể dịch được một bộ binh thư. Bảy chữ ở soạn từ: Sư, Trinh, trượng nhân, cát, vô cữu, tóm hết đạo lý hành sự, danh nghĩa tất phải chính, tướng sùý tất phải có một vị chân chính trượng nhân, còn gì tốt hơn nữa? Còn Nguyễn Hiến Lê thì nói: “Chỉ dùng hai nét liền đứt âm dương mà suy diễn được như vậy, tài thật”.

7-5-2004

(Báo Văn nghệ)